

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số 53/2023/HS-ST
Ngày 26-6-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông

Ông Nguyễn Hữu Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2023/TLHS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H**, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khối phố A, phường S, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Phụ xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T, sinh năm 1972 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1977; có vợ là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 2000 và 01 con Nguyễn Đ, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 29/6/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm M**; sinh ngày 28/8/1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T (đã chết) và bà Dương Thị N, sinh năm 1967; có vợ là Lê Thị V, sinh năm 1996 và có 03 con (lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: chưa.

Nhân thân: Ngày 03/5/2013 bị Công an phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 750.000 đồng, đã nộp phạt vào ngày 04/5/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 29/6/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Văn B**; sinh ngày 02/9/1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên điện lạnh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm D, sinh năm 1968 và bà Trương Thị B, sinh năm 1970; có vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 29/6/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Đinh Văn C**; sinh ngày 18/8/1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh N, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970; có vợ là Huỳnh Thị H, sinh năm 2000 và có 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 29/6/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Thị A**; sinh ngày 12/8/1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khôi phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C (đã mất) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; có chồng là Trương Ph (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: chưa; bị cáo bị bắt tạm giam vào ngày 29/6/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tam Kỳ. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:

Lê Thị Y, sinh năm 1994; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Phan Xuân P, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã C, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1995; trú tại số 156 đường Nguyễn T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 28/3/2022, sau khi nhậu xong tại quán B ở đường N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam Lê Văn H rủ Phạm M, Phạm Văn B, Nguyễn Thị A và Lê Thị Y đến quán Karaoke V tại đường Nguyễn T, thành phố T để hát thì cả nhóm đồng ý. Khi vào phòng 101 của quán được khoảng 20 phút thì H nói với cả nhóm là có ai sử dụng ma túy kẹo không, nếu sử dụng thì H sẽ mua hai viên sử dụng và H nói có tiền đây H sẽ trả trước, xong việc cộng dồn chia đều ra trả thì B, M và A nghe rõ và đều gật đầu đồng ý, riêng Y thì H không để ý Y có gật đầu đồng ý hay không. Sau đó, H ra trước quán điện thoại cho người đàn ông tên N (không rõ lai lịch) mua hai viên ma túy (dạng kẹo) với giá 800.000 đồng và đem vào phòng 101 bỏ lên trên bàn rồi cả nhóm cùng sử dụng. Một lúc sau thì Đinh Văn C đến (*do C mới đến sau*) thì H nói với C sử dụng ma túy rồi góp tiền sau thì C đồng ý và lấy ma túy còn lại trên bàn sử dụng. Sau khi dùng ma túy kẹo xong thì B nói tính tiền đi về thì mọi người đồng ý, vì không có tiền mặt nên B đã chuyển 750.000 đồng vào tài khoản của S (là người quản lý quán karaoke) để trả tiền phòng, nhưng sau đó M nói với cả nhóm là sử dụng ma túy kẹo đau đầu quá mua ma túy Ketamine để tiếp tục sử dụng, xong việc cộng dồn chia đều ra trả thì H, B, C và A gật đầu đồng ý, còn Y thì M không để ý Y có gật đầu đồng ý hay không. Sau đó, M ra nhờ S gọi cho Phan Xuân P, là nhân viên của quán vào phục vụ, rồi M điện thoại cho một người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) mua một gói ma túy Ketamine với giá 1.500.000 đồng. Khi M đem gói ma túy vào phòng thì A mượn 01 đĩa sứ màu trắng, lấy 01 thẻ căn cước công dân của M để nghiên, phân (xào) ma túy và lấy 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng của H cuộn tròn thành ống hút để cả nhóm sử dụng còn P không sử dụng. Đến 20 giờ 40 phút, khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ các tang vật có liên quan. Tiến hành test nhanh thì H, M, B, C, A và Y đều dương tính với chất ma túy nhóm ATS (MET, AM, MDMA), Phan Xuân P âm tính.

Tang vật tạm giữ gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị D, 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn như dạng ống hút, 02 vỏ bao ni lông loại bao Zip, một bật lửa đã qua sử dụng, một mảnh giấy vệ sinh đã được đốt cháy một phần, 06 điện thoại di động, gồm:

- + 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy S8, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0774.550.958 tạm giữ của Lê Văn H;

- + 01 điện thoại di động Iphone X, màu trắng, bên trong có gắn sim số 0336.707.711 tạm giữ của Phạm M;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0367.178.192 tạm giữ của Phạm Văn B;

- + 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh trắng, bên trong có gắn sim số 0862.482.426 và 01 sim không xác định số tạm giữ của Đinh Văn C;

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0358.877.533 tạm giữ của Nguyễn Thị A.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, bên trong có gắn sim số 0337.334.057 tạm giữ của Lê Thị Y.

Sau ngày bị phát hiện sử dụng ma túy khoảng gần 10 ngày, tại quán cà phê gần trụ sở Công an tỉnh Quảng Nam, M tính toán tiền mua ma túy với tiền karaoke và tiền chi phí ăn uống của cả nhóm sau khi bị bắt hết khoảng gần 6.000.000 đồng và chia đều cho H, M, B và C mỗi người góp 1.500.000 đồng, H bỏ tiền ra mua hai viên ma túy dạng kẹo hết 800.000 đồng nên H đưa cho M 700.000 đồng, B đã chuyển tiền vào tài khoản của S 750.000 đồng nên B đưa cho M 750.000 đồng, C chi tiền ăn hết 200.000 đồng và tiền taxi hết 200.000 đồng nên C đưa cho M 1.100.000 đồng, M mua 01 gói ma túy Ketamine hết 1.500.000 đồng và chi tiền ăn hết 700.000 đồng nên M lấy lại 700.000 đồng rồi M đưa cho A số tiền 1.800.000 đồng để A trả tiền cho quán Karaoke Vbox, còn A và Y không góp tiền.

Tại Kết luận giám định số 482/KL-KTHS ngày 27/4/2022 của Phân Viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng, thẻ Căn cước công dân mang tên Phạm Thị D, tờ tiền polymer mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn thành dạng ống hút, bật lửa và trong vỏ bao ni lông loại bao Zip đều là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng. Chất bột màu hồng bám dính trong vỏ bao ni lông loại bao Zip là ma túy, loại MDMA, không xác định được khối lượng.

Tại Cáo trạng số 49/CT-VKSQN-P1 ngày 24-4-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam truy tố các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Đinh Văn C, Phạm Văn B và Nguyễn Thị A về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Đinh Văn C, Phạm Văn B và Nguyễn Thị A. Đối với các bị cáo Phạm Văn B, Đinh Văn C và Nguyễn Thị A áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Lê Văn H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Phạm M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Bị cáo Phạm Văn B từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Bị cáo Đinh Văn C từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thị A từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan khác theo như Cáo trạng đề nghị.

Tại lời nói sau cùng của các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Đinh Văn C, Phạm Văn B và Nguyễn Thị A: Trong những ngày tạm giam, các bị cáo thấy

hành vi của mình là sai trái, rất ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được:

Vào ngày 28/3/2022, tại phòng 101 Quán Karaoke V đường Nguyễn T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị cáo Lê Văn H và bị cáo Phạm M đã có hành vi rủ bị các bị cáo Phạm Văn B, Đinh Văn C, Nguyễn Thị A và Lê Thị Y mua ma túy cho cả nhóm sử dụng xong việc cộng dồn chia đều ra trả (*nghĩa là cộng tiền mua ma túy và tiền karaoke, hết bao nhiêu thì chia đều ra để mọi người cùng góp vào trả*) thì bị cáo B, bị cáo C và bị cáo A gật đầu đồng ý (tuy bị cáo C đến sau khi bị cáo H đã mua ma túy kẹo, nhưng khi bị cáo C đến thì bị cáo H có nói với bị cáo C sử dụng ma túy rồi góp tiền sau thì bị cáo C đồng ý và bị cáo C lấy ma túy dạng kẹo sử dụng), đối với Lê Thị Y thì khi rủ bị cáo H và bị cáo M không để ý là Y có gật đầu đồng ý hay không. Bị cáo H và bị cáo M là người ứng tiền trước để mua ma túy cho cả nhóm sử dụng (*bị cáo H ứng 800.000 đồng để mua 02 viên ma túy (dạng kẹo), bị cáo M ứng 1.500.000 đồng để mua 01 gói ma túy Ketamine*), bị cáo đã B chuyển số tiền 750.000 đồng vào tài khoản của S, là người quản lý quán Karaoke Vbox để góp trả tiền karaoke, bị cáo C thì sau khi cộng các khoản tiền mua ma túy và tiền karaoke thì C mới góp tiền. Đối với bị cáo A thì khai khi H và M rủ mua ma túy thì bị cáo có gật đầu đồng ý nhưng bị cáo và Y không có góp tiền vì khi đi chơi thì nữ không có góp tiền, mà chỉ có nam góp tiền để trả và bị cáo là người mượn đĩa sứ, lấy thẻ căn cước công dân của bị cáo M để nghiền, phân (xào) ma túy và lấy tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng của bị cáo H cuộn tròn thành ống hút để cả nhóm sử dụng. Riêng Lê Thị Y thì khai khi bị cáo H và bị cáo M rủ mua ma túy cho cả nhóm sử dụng thì Y không có gật đầu đồng ý vì lúc đó Y đang bấm điện thoại, nhạc mở to và lúc đó Y cũng đã say nên không nghe và Y khai khi đi chơi thì nữ không có góp tiền mà chỉ có nam góp tiền để trả, còn sau đó mọi người gặp nhau tại quán cà phê để tính toán tiền và chia nhau góp như thế nào thì Y không biết cụ thể, riêng Y và bị cáo A không có góp tiền. Lời khai của bị cáo A và Lê Thị Y phù hợp với lời khai của các bị cáo H, M, B, C là tuy bị cáo H và bị cáo M rủ cả nhóm mua ma túy sử dụng xong việc cộng dồn chia đều ra trả, nhưng thực tế khi đi chơi chung thì nữ không có góp tiền, mà chỉ có nam góp tiền vào để trả và sau ngày bị Công an

phát hiện, lập biên bản sự việc khoảng gần 10 ngày thì bị cáo M tính toán tiền chi phí của cả nhóm hết khoảng gần 6.000.000 đồng (gồm tiền mua ma túy, tiền karaoke, tiền ăn...) và chia đều cho các bị cáo H, M, B và C, mỗi người góp 1.500.000 đồng, bị cáo A và Y không góp.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Phạm Văn B, Đinh Văn C và bị cáo Nguyễn Thị A đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Đối với 02 người trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Ketamine và MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy và tiền chất do Chính phủ quy định, do đó Nhà nước nghiêm cấm việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển và sử dụng trái phép, các bị cáo biết rõ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước ta, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính tại địa phương, gây nguy hại đến sức khỏe con người, làm ảnh hưởng xấu đến xã hội.

[2.3] Xét hành vi, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo Lê Văn H là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, ứng tiền trước và trực tiếp liên lạc để mua 02 viên ma túy (dạng kẹo); bị cáo Phạm M tuy không phải là người khởi xướng đầu tiên nhưng cũng là rủ cả nhóm tiếp tục mua ma túy sử dụng, ứng tiền trước và trực tiếp liên lạc mua 01 gói ma túy Ketamine cho cả nhóm sử dụng; bị cáo Phạm Văn B và bị cáo Đinh Văn C đều có hành vi góp tiền vào để trả tiền mua ma túy và tiền karaoke; bị cáo Nguyễn Thị A tuy không có hành vi góp tiền để mua ma túy và tiền karaoke nhưng bị cáo A đã có hành vi nghiền, phân (xào) ma túy và quần tờ tiền thành dạng ống hút để cho cả nhóm sử dụng ma túy. Do đó, bị cáo H phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo M, bị cáo M phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo B và C, bị cáo B và C phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo A.

Các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Phạm Văn B, Đinh Văn C và Nguyễn Thị A không có tình tiết tăng nặng; đều chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra gia đình bị cáo M và bị cáo C đều có công cách mạng, bị cáo C từng tham gia nghĩa vụ quân sự, các bị cáo H, M, B và C đều có con còn nhỏ; bị cáo A có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính do đã ly dị chồng, đang trực tiếp nuôi con, nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s (02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s) khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do các bị cáo Phạm M, Phạm Văn B, Đinh Văn C và Nguyễn Thị A có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015

(đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[2.4] Về hình phạt bổ sung:

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có mục đích thu lợi và trước khi phạm tội các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.5] Về xử lý vật chứng và những vấn đề liên quan trong vụ án:

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 đĩa sứ màu trắng, 02 vỏ bao ni lông loại bao Zip, một bật lửa đã qua sử dụng, các sim điện thoại số 0774.550.958, 0336.707.711 thu giữ tại phòng karaoke là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy S8, màu xanh, 01 tờ tiền polimer Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng tạm giữ của bị cáo Lê Văn H và 01 điện thoại di động Iphone X, màu trắng, tạm giữ của bị cáo Phạm M tại phòng karaoke là phương tiện, công cụ mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0367.178.192 tạm giữ của bị cáo Phạm Văn B, 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh trắng, bên trong có gắn sim số 0862.482.426 và 01 sim không xác định số tạm giữ của bị cáo Đình Văn C, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0358.877.533 tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị A, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị D tạm giữ của bị cáo Phạm M, đây là các tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho các bị cáo.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, bên trong có gắn sim số 0337.334.057 tạm giữ của Lê Thị Y. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã xử lý vật chứng trả lại cho Lê Thị Y là phù hợp.

- Những vấn đề liên quan trong vụ án:

+ Đối với người đàn ông tên N mà bị cáo H khai đã bán 02 viên ma túy dạng kẹo cho bị cáo H, do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để triệu tập lấy lời khai làm rõ.

+ Đối với người đàn ông tên L mà bị cáo M khai đã bán 01 gói ma túy Ketamine cho bị cáo M do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để triệu tập lấy lời khai làm rõ.

+ Đối với Lê Thị Y thì thấy, trong vụ án này Lê Thị Y là một trong 6 người cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 101 của quán Karaoke V tại đường Nguyễn T, thành phố T, đã bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam lập biên bản vào ngày 28/3/2022. Quá trình điều tra, truy tố và qua tranh tụng tại các phiên tòa Y khai khi H, M rủ mua ma túy cho cả nhóm sử dụng thì Y không có gật đầu đồng ý vì lúc đó Y đang bấm điện thoại, nhạc

mở to và lúc đó Y cũng đã say nên Y không nghe và Y khai khi đi chơi thì nữ không có góp tiền mà chỉ có nam góp tiền để trả. Còn sau đó mọi người gặp nhau tại quán cà phê để tính toán tiền và chia nhau góp như thế nào thì Y không biết cụ thể, riêng Y và bị cáo A không có góp tiền, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Y về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Thị Y, là đúng pháp luật.

+ Đối với Nguyễn Văn S, là người được bà Nguyễn Kim T (mẹ của S) giao quản lý quán trong thời gian bà T đi chữa bệnh. Quá trình quản lý thì ngày 28/3/2022, S đã đề các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép tại quán của mình, tuy nhiên khi các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì S không biết, nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn S về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Giám đốc Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S về hành vi “*Người được giao quản lý cơ sở kinh doanh để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực mình quản lý*”, là đúng pháp luật.

[2.6] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Đinh Văn C, Phạm Văn B và Nguyễn Thị A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Phạm Văn B, Đinh Văn C và Nguyễn Thị A phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2022).

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Phạm M 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2022).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2022).

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn C 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2022).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị A 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 29/6/2022).

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sứ màu trắng, 02 vỏ bao ni lông loại bao Zip, một bật lửa đã qua sử dụng, các sim điện thoại số 0774.550.958, 0336.707.711.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy S8, màu xanh, 01 tờ tiền polimer Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng tạm giữ của bị cáo Lê Văn H và 01 điện thoại di động Iphone X, màu trắng, tạm giữ của bị cáo Phạm M.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0367.178.192; trả lại cho bị cáo Đinh Văn C 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh trắng, bên trong có gắn sim số 0862.482.426 và 01 sim không xác định số; trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị A 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, bên trong có gắn sim số 0358.877.533; trả lại cho bị cáo Phạm M 01 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị D.

(Toàn bộ vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17/10/2022).

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn H, Phạm M, Đinh Văn C, Phạm Văn B và Nguyễn Thị A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1-TANDTC;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q.Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng PV27 Công an tỉnh;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân

